TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Bùi Văn Phục

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số A ấp A, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Dương Văn T1, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị T và anh Dương Văn Thừa tự n kết hôn năm 2011 và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn cụ thể từ năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 không lo cho gia đình mà thường xuyên gây nợ dù nhiều lần chị khuyên sửa đổi nhưng anh T1 không sửa nên cả hai thường xuyên cự cải làm cho mục

đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn với anh Dương Văn T1; Về con chung, có một con chung cháu Dương Thị Trúc Q (giới tính nữ), sinh ngày 28/4/2016, hiện đang sinh sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn T1 được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày trong vụ kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên hôn nhân được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được nên nguyên đơn chị T xin ly hôn với bị đơn anh T1. Để tạo điều kiện cho nguyên đơn chị T và bị đơn anh T1 hàn gắn hôn nhân, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nguyên đơn chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bị đơn anh T1, chị xác định không còn tình cảm với bị đơn anh T1, dù đã cho cơ hội để hàn gắn nhưng bị đơn anh T1 không sửa đổi. Trong khi đó, bị đơn anh T1 được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt từ đó cho thấy bị đơn anh T1 cũng không mong muốn hòa giải mâu thuẫn để nguyên đơn chị T thay đổi ý kiến. Xét quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị T và bị đơn anh T1 mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với bị đơn anh Dương Văn T1 được chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Thị Trúc Q (giới tính nữ), sinh ngày 28/4/2016, đồng

thời cháu Q có nguyện vọng được sống chung với nguyên đơn chị T. Do cháu Q trên 7 tuổi nên xét nguyện vọng của cháu đồng thời hiện đang sinh sống ổn định với nguyên đơn chị T. Mặt khác, bị đơn anh T1 không có lời trình bày về tranh chấp con chung và để giữ môi trường sống ổn định của cháu Q. Vì vậy, yêu cầu nuôi con chung của chị T có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với bị đơn anh Dương Văn T1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Thị Trúc Q (giới tính nữ), sinh ngày 28/4/2016. Anh Dương Văn T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Dương Văn T1, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006374 ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu